TỈNH ỦY YÊN BÁI * Số: 20 - NQ/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Yên Bái, ngày 20 tháng 01 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHOÁ XIX
về phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2021 - 2025

ĐẢNG ỦY KHỐI CQ VÀ DN TỈNH YÊN BÁI
Số: 973
ĐẾN Ngày: 07/4/2021
Chuyển:

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Trong giai đoạn 2016 - 2020, sản xuất nông nghiệp của tỉnh đạt được những kết quả tích cực, tốc độ tăng trưởng toàn ngành bình quân đạt 4,5%/năm, cao hơn bình quân chung cả nước *(đạt 3%/năm)*. Cơ cấu nội ngành chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp, thủy sản; giá trị và hiệu quả sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản bình quân tăng khá, nhiều diện tích canh tác cho thu nhập khá cao, sản lượng các sản phẩm nông nghiệp chủ lực đạt và vượt kế hoạch, bảo đảm an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh.

Sản phẩm hàng hóa từng bước đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh; hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực. Xây dựng 30 dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; xây dựng, phát triển được 83 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP. Thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, hằng năm trồng trên 15.000 ha rừng các loại, tỷ lệ che phủ rừng duy trì ở mức 63%, thuộc nhóm các tỉnh cao nhất cả nước. Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong các khâu sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp; quan tâm đầu tư xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu, nhãn hiệu, quảng bá, giới thiệu mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật, toàn diện, là điểm sáng trong phong trào xây dựng nông thôn mới của khu vực Tây Bắc, với nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả; đã phát huy trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, huy động mọi nguồn lực xã hội, đặc biệt là vai trò chủ thể, trực tiếp của nhân dân trong việc đóng góp trí tuệ, công sức, vật lực xây dựng nông thôn mới theo phương châm *"Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*.

Đổi mới phương thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, kinh tế nông thôn theo hướng mở rộng liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ; diện mạo nông thôn đã thực sự khởi sắc, đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn không ngừng được nâng lên. Sau 05 năm, toàn tỉnh có 75 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 50% tổng số xã của tỉnh, thành phố Yên Bái hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, huyện Trấn Yên trở thành huyện miền núi đầu tiên của khu vực Tây Bắc đạt chuẩn nông thôn mới; thu nhập bình quân của người dân nông thôn đạt 32 triệu đồng/năm, tăng gấp 02 lần so với năm 2015.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp của tỉnh còn thiếu bền vững, dễ bị tác động, ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh và biến động của thị trường; năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của nhiều sản phẩm nông sản chủ lực chưa cao; công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch chưa phát triển; chưa có nhiều sản phẩm nông sản có thương hiệu, chỉ dẫn địa lý; sản xuất hàng hóa chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ; hạ tầng phục vụ sản xuất chưa đáp ứng được yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nhất là hệ thống giao thông kết nối cơ sở chế biến với vùng nguyên liệu, giao thông nội đồng, công trình thủy lợi; kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại phát triển chậm, chưa phát huy được vai trò đầu mối liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, hỗ trợ thúc đẩy sản xuất nông hộ; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp có tiềm lực đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị. Tình trạng ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp chưa được kiểm soát chặt chẽ, một số cơ sở chăn nuôi, chế biến nông sản tập trung vẫn còn gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân; một số tiêu chí xây dựng nông thôn mới chưa bền vững, nhất là tiêu chí môi trường.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên có nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Trong đó, ngoài các nguyên nhân khách quan như: Tác động tiêu cực của thiên tai, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan; biến động của thị trường; địa hình chia cắt, diện tích đất sản xuất manh mún, dân cư phân tán,... còn có những nguyên nhân chủ quan như: Nguồn lực đầu tư cho phát triển sản xuất nông nghiệp còn hạn hẹp; chính sách hỗ trợ sản xuất nông, lâm nghiệp chủ yếu tập trung hỗ trợ hộ gia đình mở rộng quy mô sản xuất, chưa chú trọng hỗ trợ các khâu liên kết sau sản xuất; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư sản xuất, thu mua, chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh; hình thức tổ chức sản xuất chưa thực sự đổi mới, hầu hết là sản xuất với quy mô vừa và nhỏ, sức cạnh tranh thấp; mạng lưới, hệ thống phân phối sản phẩm chưa được quan tâm xây dựng, thiếu thị trường tiêu thụ ổn định; sản phẩm có chất lượng, chứng nhận an toàn chưa nhiều, sức canh tranh thấp; một bộ phận người dân vẫn còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Do vậy, trong thời gian tới cần cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU

1- Quan điểm chỉ đạo

- Phát triển nông nghiệp theo hướng phát huy lợi thế so sánh của địa phương về đất đai, điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng; phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu; đổi mới tổ chức sản xuất, áp dụng tiêu chuẩn chất lượng để hình thành các vùng sản xuất chuyên canh quy mô lớn liên kết theo chuỗi giá trị, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và cây dược liệu phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Kết nối sản xuất nông nghiệp với du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến, bảo quản, tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh.

- Tập trung khai thác và tận dụng tốt lợi thế về điều kiện tự nhiên, giảm thiểu tác động bất lợi tới môi trường sinh thái trong phát triển nông nghiệp, áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đồng thời có cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh. Nâng cao năng suất, chất lượng, sản lượng, đa dạng các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng an toàn sinh học, tạo nguồn nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến, dược phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn trong nước, quốc tế và yêu cầu của thị trường.

- Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, hình thành các vùng dân cư nông nghiệp, nông thôn đa ngành nghề ổn định, bền vững. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, đặc biệt người dân nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia phát triển sản xuất nông nghiệp, đa dạng hóa sinh kế gắn với phát triển du lịch, dịch vụ, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc.

2- Mục tiêu

2.1- Mục tiêu tổng quát

- Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, chuyển dịch mạnh từ sản xuất lấy số lượng, sản lượng làm mục tiêu sang tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng của sản phẩm, theo kịp xu hướng và nhu cầu của thị trường, kết hợp với đảm bảo an ninh lương thực. Phát huy lợi thế so sánh, sự đa dạng các vùng sinh thái của tỉnh, phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, hữu cơ, sản phẩm OCOP, các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển dược liệu, nâng cao chất lượng rừng trồng gỗ lớn gắn với phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến, bảo quản, tiêu thụ, phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Đổi mới và phát triển quan hệ sản xuất, tổ chức lại sản xuất ở nông thôn theo hướng hình thành các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để tập trung nguồn lực, phối hợp và phân công sản xuất hợp lý, hiệu quả; bảo đảm tối đa hóa và hài hòa lợi ích giữa người dân trực tiếp sản xuất với doanh nghiệp, hợp tác xã chế biến, phân phối sản phẩm và người tiêu dùng.

- Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững. Hình thành và phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; thu hút, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư vào sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp; liên kết, ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ nông sản với nông dân; phát triển các nhóm nông dân hợp tác tự nguyện, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

2.2- Mục tiêu cụ thể

(1) Tốc độ tăng tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn *(theo giá so sánh 2010)* giai đoạn 2021 - 2025 bình quân đạt trên 4,5%/năm. Đến năm 2025, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản (*theo giá so sánh 2010*) đạt 9.685 tỷ đồng.

(2) Cơ cấu tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản trong GRDP đạt 19,5%. Tỷ trọng ngành chăn nuôi chiếm khoảng 30%, ngành lâm nghiệp chiếm 37% trong khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản.

(3) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 321.000 tấn.

(4) Tổng đàn gia súc chính đạt 950.000 con.

(5) Sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại đạt 61.000 tấn, trong đó sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc chính 50.000 tấn.

(6) Sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản đạt 13.000 tấn.

(7) Có thêm 50 xã đạt chuẩn nông thôn mới *(lũy kế đạt 125 xã, bằng 83,3% tổng số xã toàn tỉnh; có thêm 02 huyện Yên Bình, Văn Yên đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Nghĩa Lộ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới).* Đến năm 2025 có 10% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

(8) Trồng rừng hàng năm đạt trên 15.000 ha; đến năm 2025 toàn tỉnh có trên 40.000 ha rừng cây gỗ lớn; khoảng 100.000 ha rừng trồng trở lên được cấp chứng chỉ FSC hoặc chứng nhận hữu cơ (đối với cây quế).

(9) Tỷ lệ che phủ rừng đạt 65%.

(10) Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Tăng cường sự lãnh đạo của đảng, chỉ đạo điều hành của chính quyền; vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể đối với công tác tổ chức, vận động nhân dân trong việc đẩy mạnh phát triển nông nghiệp

- Các cấp ủy, tổ chức đảng tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân để tạo sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm đối với việc tham gia, đầu tư và phát triển nông nghiệp trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Chính quyền các cấp, nhất là người đứng đầu tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp, xác định phát triển nông nghiệp trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, quan trọng hàng đầu của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường các hoạt động tuyên truyền, vận động, huy động nhân dân tích cực tham gia phát triển sản xuất nông nghiệp.

2- Đẩy mạnh cải cách hành chính và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp

- Đẩy mạnh cải cách hành chính với trọng tâm là sắp xếp, tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Từng bước xã hội hóa các dịch vụ công trong ngành nông nghiệp.

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức công vụ, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Đổi mới tác phong, lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác; đổi mới chế độ hội họp, thông tin báo cáo; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và thực thi nhiệm vụ công vụ.

- Nâng cao chất lượng đào tạo, phổ biến kiến thức khoa học công nghệ, đào tạo nghề cho lao động nông thôn; hỗ trợ về kiến thức, vốn để đẩy mạnh chuyển dịch lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn.

3- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng các sản phẩm nông nghiệp

- Sử dụng các giống tiến bộ kỹ thuật, thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở đổi mới, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ số, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng của sản phẩm; đặc biệt chú trọng vấn đề bảo vệ môi trường, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển nông nghiệp đa dạng, phù hợp với lợi thế của từng địa phương. Đẩy mạnh việc cơ giới hóa, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp nhất là khâu bảo quản, chế biến sau thu hoạch. Chú trọng việc đăng ký nhãn hiệu, thương hiệu và xây dựng chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

- Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm để phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển công nghiệp chế biến, ngành nghề nông thôn và Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

4- Nhiệm vụ, giải pháp về phát triển sản xuất theo từng lĩnh vực và sản phẩm cụ thể:

4.1. Trồng trọt:

- Lựa chọn các giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, thời tiết để đưa vào cơ cấu giống cây trồng chủ yếu; khuyến khích nông dân dồn điền đổi thửa để tập trung, tích tụ ruộng đất; phát triển sản xuất theo hướng tập trung quy mô lớn gắn với thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, phát huy lợi thế sản phẩm và lợi thế vùng, miền. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, nhất là chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch theo hướng hiện đại, giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Phấn đấu đến năm 2025, giá trị thu nhập bình quân trên diện tích đất canh tác nông nghiệp tập trung đạt 150 triệu đồng/ha/năm.

- Tập trung phát triển vùng nguyên liệu chuyên canh với 10 sản phẩm chủ lực, phấn đấu đến năm 2025 có ít nhất 10 sản phẩm đặc sản được cấp mã số vùng trồng, mã vạch sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, áp dụng tiêu chuẩn quản lý chất lượng (VietGAP, GlobalGAP,...), gắn với các khu, cụm công nghiệp chế biến và hệ thống vận chuyển, kho bãi.

- Cây lương thực: Tập trung đầu tư vào các vùng có điều kiện thâm canh lúa; tăng diện tích gieo cấy các giống lúa tiến bộ có chất lượng và giá trị kinh tế cao. Đến năm 2025, hình thành 5.000 ha lúa tập trung, sản xuất hàng hóa, được cấp mã số vùng trồng, sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP...

- Cây chè: Thực hiện chuyển đổi giống chè có năng suất chất lượng; sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ; ứng dụng công nghệ cao đảm bảo nguyên liệu cho chế biến chè xuất khẩu. Hỗ trợ phát triển trồng chè Shan vùng cao và trồng thay thế giống chè tiến bộ kỹ thuật vùng thấp. Đến năm 2025, giữ ổn định diện tích chè đạt khoảng 7.000 ha (trong đó diện tích chè Shan 2.900 ha), tổng sản lượng đạt 65.000 tấn (trong đó chè chất lượng cao đạt 25.000 tấn).

- Cây ăn quả: Tiếp tục trồng mới, trồng thay thế bằng giống cây ăn quả có năng suất, chất lượng; duy trì tốt vùng cây ăn quả có múi, tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao gắn sản xuất với bảo quản, chế biến sau thu hoạch để nâng cao giá trị sản phẩm, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng. Đến năm 2025, diện tích cây ăn quả đạt khoảng 10.000 ha, tổng sản lượng đạt 65.000 tấn.

- Trồng dâu, nuôi tằm: Khuyến khích, hỗ trợ các hộ gia đình, cá nhân tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp phát triển trồng dâu, nuôi tằm bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, theo chuỗi giá trị ổn định, bền vững. Cải tạo, thay thế, trồng mới các giống dâu bằng các giống chất lượng cao. Đến năm 2025, diện tích trồng dâu đạt 2.000 ha, sản lượng kén tằm trên 5.000 tấn.

4.2. Chăn nuôi:

- Đẩy mạnh ứng dụng kỹ thuật trong lai tạo, du nhập giống trâu, bò, lợn chất lượng cao; ứng dụng, cải tiến công nghệ sinh sản trong công tác chọn giống. Tạo cơ chế thúc đẩy nhanh chăn nuôi hàng hóa, tập trung ở vùng thấp; phát triển chăn nuôi đặc sản (như lợn bản địa, gà đen, vịt bầu Lâm Thượng,...) theo hình thức trang trại ở vùng cao. Phấn đấu đến năm 2025 sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc chính đạt 50.000 tấn; đàn gia cầm trên 6 triệu con với sản lượng trên 11.000 tấn.

- Sản xuất chăn nuôi gắn với công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm liên kết theo chuỗi giá trị; khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất chăn nuôi khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn, đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Giám sát và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, an toàn thực phẩm, chất lượng sản phẩm, quản lý và sử dụng thuốc thú y. Áp dụng hệ thống quản lý kiểm soát nguy cơ ô nhiễm đất và nước từ chất thải chăn nuôi và phát triển nguồn năng lượng tái tạo từ các phụ phẩm của ngành chăn nuôi; phát triển, quản lý vùng nuôi an toàn sinh học và môi trường.

4.3. Lâm nghiệp:

- Tập trung phát triển lâm nghiệp Yên Bái trở thành trung tâm lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao của khu vực miền núi phía Bắc, xây dựng mối liên kết vùng trong sản xuất và chế biến gỗ rừng trồng. Phát triển rừng trồng nguyên liệu theo định hướng rừng trồng gỗ lớn. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ trồng mới rừng sản xuất bằng các loài cây cho năng suất, chất lượng cao; đẩy mạnh thâm canh, đầu tư khoa học kỹ thuật, đặc biệt là sử dụng các giống có khả năng cho năng suất sinh khối cao, tăng năng suất rừng trồng bình quân hàng năm đạt trên 20% so với giống đại trà.

- Điều chỉnh cơ cấu giống cây lâm nghiệp trồng trong rừng phòng hộ theo hướng tăng loài cây trồng đa tác dụng, đa mục tiêu, các loài cây bản địa gỗ lớn, nâng cao chất lượng, hiệu quả, đảm bảo tính bền vững của rừng. Quản lý, sử dụng bền vững diện tích rừng tự nhiên, tập trung khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên để nâng cao độ che phủ; trồng bổ sung làm giàu rừng, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên.

- Phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu gắn với du lịch, dịch vụ. Phát triển và tăng cường quản lý hệ sinh thái đặc dụng; bảo vệ quỹ gen, bảo tồn đa dạng sinh học và cung cấp các dịch vụ môi trường; phát triển du lịch sinh thái trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất theo phương án quản lý rừng bền vững và các đề án, dự án du lịch sinh thái được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khuyến khích phát triển mô hình trồng dược liệu và lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, kết hợp với khai thác rừng bền vững để tăng thu nhập cho người làm nghề rừng. Mở rộng áp dụng chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý rừng và sản phẩm rừng trồng. Hằng năm trồng mới rừng đạt trên 15.000 ha đồng thời rà soát xúc tiến khoanh nuôi, tái sinh tự nhiên rừng ở những nơi có điều kiện để tăng độ che phủ rừng, làm giàu rừng; khai thác gỗ rừng trồng đạt trên 650.000 m^3 và các sản phẩm khác (quế, tre măng, Sơn tra,…) hợp lý để nâng cao hiệu quả và giá trị gia tăng từ rừng.

4.4. Thủy sản:

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất theo hướng áp dụng những công nghệ mới về sản xuất giống, kỹ thuật nuôi nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng mặt nước nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Tăng cường đầu tư nâng cấp các cơ sở sản xuất giống thủy sản đảm bảo chất lượng và đủ giống đáp ứng nhu cầu sản xuất; phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản. Phát triển, đa dạng hóa đối tượng và phương pháp nuôi cá (cá hồi, cá tầm, cá đặc sản,...) và các loài thủy sản khác theo nhu cầu của thị trường; tổ chức liên kết theo chuỗi giá trị từ nuôi, chế biến, bảo quản đến tiêu thụ sản phẩm. Phát triển nuôi cá lồng bền vững trên các hồ chứa thủy điện gắn với phát triển du lịch.

- Mở rộng, khuyến khích nuôi công nghiệp, áp dụng công nghệ cao, quy trình thực hành nuôi tốt theo tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn kiểm soát môi trường. Tăng cường bảo vệ nguồn lợi thủy sản và môi trường; thả cá giống bổ sung để tái tạo nguồn lợi thủy sản trên hồ Thác Bà; phân tích nguồn, trữ lượng thủy sản và giám sát hoạt động đánh bắt; tăng cường các biện pháp quản lý hành chính đối với các hoạt động khai thác và nuôi trồng gây tác động xấu đến môi trường. Phấn đấu đến năm 2025 giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản đạt 300 triệu đồng/ha/năm; tổng sản lượng thủy sản đạt 13.000 tấn.

4.5. Phát triển dược liệu:

Hỗ trợ phát triển mở rộng diện tích và chủng loại dược liệu hàng hóa có ưu thế trên địa bàn tỉnh; quản lý, kiểm soát nguồn giống đầu vào; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất giống, chăm sóc, thu hái và bảo quản, nâng cao chất lượng chế biến theo các tiêu chuẩn chất lượng hiện hành. Tăng cường các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các loại cây dược liệu, các sản phẩm chế biến từ nguồn nguyên liệu là các loại cây dược liệu của tỉnh. Bảo tồn và phát triển các loài cây dược liệu bản địa, đặc thù có giá trị kinh tế cao của tỉnh Yên Bái và khu vực Tây Bắc.

5- Phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ nông, lâm nghiệp, thủy sản và ngành nghề nông thôn

- Ưu tiên thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, chế biến sâu, khuyến khích đổi mới công nghệ, thiết bị, kết hợp với các biện pháp về tổ chức sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, xây dựng thương hiệu, bảo hộ sở hữu trí tuệ, xuất xứ vùng trồng, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, nhằm nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm. Liên kết cung ứng dịch vụ, vật tư đầu vào, thu mua, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm, cắt giảm các khâu trung gian trong chuỗi giá trị để nâng cao hiệu quả sản xuất. Thu hút các doanh nghiệp đầu tư và xây dựng nhà máy chế biến, bảo quản, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm, thủy sản gắn liền với các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh của tỉnh.

- Thực hiện tốt Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); hỗ trợ củng cố, duy trì hoạt động hiệu quả của các làng nghề hiện có, nhất là các làng nghề truyền thống theo lợi thế của từng địa phương; gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống.

6- Đổi mới, phát triển quan hệ sản xuất trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản

- Cơ cấu lại và phát triển các loại hình kinh tế tập thể, tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới vừa sản xuất kinh doanh vừa làm dịch vụ để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Khuyến khích thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững.

- Xây dựng các mô hình liên kết hiệu quả giữa doanh nghiệp - tổ hợp tác, hợp tác xã - nông dân với quy mô liên thôn, liên xã, liên huyện, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia, đặc biệt chú trọng đổi mới quan hệ sản xuất ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn; đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị bền vững gắn với ứng dụng công nghệ cao, hình thành các kênh phân phối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp ổn định; hỗ trợ đào tạo nhân lực, chủ động tiếp cận ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ phục vụ sản xuất, kinh doanh nâng cao năng suất, giá trị gia tăng của sản phẩm.

7- Xây dựng nông thôn mới bền vững

- Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới toàn diện, đi vào chiều sâu, đồng bộ, vững chắc; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đặc biệt là vai trò chủ thể của người nông dân trong việc đóng góp trí tuệ, công sức, vật lực xây dựng nông thôn mới theo phương châm *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng"*. Xây dựng nông thôn mới phải tiến hành đồng loạt ở tất cả các xã trong tỉnh; có kế thừa, lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các cuộc vận động, các phong trào đang được triển khai ở nông thôn.

- Hoàn thành và nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Từng bước phát triển hạ tầng và dịch vụ, du lịch nông thôn theo hướng văn minh, môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Duy trì và gia tăng số lượng xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó chú trọng xây dựng nông thôn mới ở vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Phấn đấu đến năm 2025, toàn tỉnh có 125 xã và 05 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn hoặc hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới (huyện Trấn Yên, huyện Yên Bình, huyện Văn Yên; thành phố Yên Bái và thị xã Nghĩa Lộ). Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp, giảm tỷ trọng khu vực nông nghiệp; tạo ra nhiều việc làm mới, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021-2025; phấn đấu đến năm 2025, thu nhập bình quân của người dân nông thôn đạt trên 50 triệu đồng/người/năm.

8- Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương ban hành.

- Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững giai đoạn 2021-2025, trong đó chú trọng các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP; các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm, thủy sản của tỉnh.

9- Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển nông nghiệp

- Tiếp tục đầu tư, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; xây dựng mới, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như: cung cấp điện; thủy lợi; giao thông nội đồng, giao thông liên thôn, liên xã; các công trình bảo quản, chế biến sau thu hoạch; các công trình phòng chống, ứng phó, giảm nhẹ hậu quả thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Đầu tư nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ công, gồm: Khuyến nông, thú y, bảo vệ thực vật, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, quản lý bảo vệ rừng, dịch vụ môi trường rừng.

10- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phục vụ phát triển nông nghiệp

- Triển khai có hiệu quả Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước; rà soát, phân loại các dự án đầu tư, áp dụng phương thức quản lý phù hợp đối với các dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực nhà nước đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích huy động, lồng ghép các nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn; thu hút, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư vào thu mua, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp.

- Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn nước ngoài như: ODA, FDI, NGO; các chương trình, kế hoạch tăng cường và mở rộng hợp tác với các tỉnh, thành phố, các quốc gia và các tổ chức quốc tế về phát triển nông nghiệp, nông thôn.

11- Tăng cường ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng cháy chữa cháy rừng; tăng cường đổi mới, sử dụng công nghệ tiên tiến, tiết kiệm tài nguyên, chi phí đầu vào sản xuất và phòng chống rác thải nhựa để bảo vệ môi trường.

- Tăng cường thông tin, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các điều kiện khí hậu, thời tiết cực đoan ở các vùng có nguy cơ cao nhằm chủ động phòng chống, ứng phó với các tình huống thiên tai và giảm nhẹ thiệt hại.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở các cấp và chống biến đổi khí hậu; lồng ghép, tích hợp nhiệm vụ ứng phó biến đổi khí hậu trong các chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tổ chức quản lý tốt nguồn nước bảo đảm khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước, nhất là hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp; tăng cường công tác quản lý hồ chứa, chủ động xây dựng phương án phòng chống thiên tai, áp dụng các công nghệ tưới cải tiến, tiết kiệm nước.

12- Phát triển nông nghiệp, nông thôn hội nhập và phát triển bền vững

- Có giải pháp ứng phó, hỗ trợ đối với những ngành hàng, mặt hàng chịu tác động lớn, trực tiếp từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu phức tạp hiện nay và giai đoạn tiếp theo.

- Thực hiện các biện pháp hỗ trợ tổ chức, cá nhân trong sản xuất, chế biến xây dựng thương hiệu lớn gắn với chỉ dẫn địa lý, quảng bá sản phẩm; chú trọng phát triển thị trường nông sản, các kênh phân phối, đa dạng hóa thị trường đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh thực hiện chiến lược xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh sang các thị trường: Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản, Trung Quốc và các nước ASEAN…

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nội địa và thực hiện có hiệu quả cuộc vận động *"Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"*.

- Xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, nông dân đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của pháp luật; thúc đẩy toàn diện việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và các tiêu chuẩn tương tự trong sản xuất nông nghiệp; tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng phân vi sinh, hữu cơ, hạn chế việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật; kiểm tra, giám sát việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật).

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp ủy, chính quyền tổ chức quán triệt sâu rộng Nghị quyết này và các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân; xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết phù hợp với đặc điểm, tình hình của ngành, địa phương, đơn vị.

2- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách, đề án hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, bố trí ngân sách để thực hiện theo Nghị quyết của Tỉnh ủy; chỉ đạo các sở, ban, ngành và các địa phương xây dựng các chương trình, đề án, dự án và kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, trong đó xác định rõ các nội dung cần triển khai thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có liên quan gắn với lộ trình thực hiện; định kỳ đánh giá kết quả, rút kinh nghiệm để kịp thời đề xuất bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết

3- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết trong toàn Đảng bộ tỉnh.

4- Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết; trọng tâm là công tác phối hợp phổ biến, tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia thực hiện.

5- Văn phòng Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc và kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

Nghị quyết này được phổ biến đến chi bộ.

Nơi nhận:
- Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng các Ban Đảng Trung ương,
- Ban cán sự đảng Bộ NN&PTNT,
- Các đ/c Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY YÊN BÁI

Đỗ Đức Duy